

**Kính gửi: Sở Tài Chính Khánh Hòa .**

Thực hiện Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28/04/2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật giá và Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC.

Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thanh Hải gửi biểu mẫu đăng ký giá Gas gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng kê khai mức giá.
2. Bảng giải trình lý do điều chỉnh giá bán hàng hóa, dịch vụ.

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày **01/09/2025** .

Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Thanh Hải xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*Nguyễn Thị Thanh Hải*

- Họ tên người nộp Biểu mẫu : NGÔ THỊ CẨM LINH
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: 16B Hồng Lĩnh – Phường Nha Trang. T.Khánh Hòa
- Số điện thoại liên lạc : 0258.3877.737
- Email : [thanh hailpg@gmail.com](mailto:thanh hailpg@gmail.com)

**Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá  
của cơ quan tiếp nhận**

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

## BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

( Kèm theo công văn số 08 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Doanh nghiệp là đơn vị kinh doanh hàng hóa và dịch vụ

Mức giá kê khai bán buôn dành cho đại lý cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (ĐVT: đồng)	Mức giá kê khai mới (ĐVT: đồng)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
1	Hơi gas bình 12kg Origin/Phoenix	Bình 12kg	Bình	296,000	296,000	-	0.0
2	Hơi gas bình 45kg Origin/Phoenix	Bình 45kg	Bình	1,110,000	1,110,000	-	0.0
3	Hơi gas bình 12kg Petrolimex	Bình 12kg	Bình	352,000	352,000	-	0.0
4	Hơi gas bình 48kg Petrolimex	Bình 48kg	Bình	1,408,000	1,408,000	-	0.0
5	Hơi gas bình 12kg H - gas	Bình 12kg	Bình	275,000	275,000	-	0.0
6	Hơi gas bình 45kg H - gas	Bình 45kg	Bình	1,031,250	1,031,250	-	0.0
7	Hơi gas bình 12kg PTVN	Bình 12kg	Bình	296,000	296,000	-	0.0
8	Hơi gas bình 20kg PTVN	Bình 20kg	Bình	494,000	494,000	-	0.0
9	Hơi gas bình 45kg PTVN	Bình 45kg	Bình	1,110,250	1,110,250	-	0.0
10	Hơi gas bình 12kg An - gas	Bình 12kg	Bình	276,000	276,000	-	0.0
11	Hơi gas bình 45kg An - gas	Bình 45kg	Bình	1,035,250	1,035,250	-	0.0
12	Hơi gas bình 12kg dầu khí	Bình 12kg	Bình	296,000	296,000	-	0.0
13	Hơi gas bình 20kg dầu khí	Bình 20kg	Bình	494,000	494,000	-	0.0
14	Hơi gas bình 45kg dầu khí	Bình 45kg	Bình	1,110,250	1,110,250	-	0.0
15	Hơi gas bình 12kg total	Bình 12kg	Bình	353,000	353,000	-	0.0
16	Hơi gas bình 6kg Elf - gas	Bình 6kg	Bình	184,000	184,000	-	0.0
17	Hơi gas bình 12,5kg Elf - gas	Bình 12.5kg	Bình	382,000	382,000	-	0.0
18	Hơi gas bình 39kg Elf - gas	Bình 39kg	Bình	1,192,200	1,192,200	-	0.0

\* Mức giá trên đã bao gồm thuế VAT

\* Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2025

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

## BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

( Kèm theo công văn số 08 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Doanh nghiệp là đơn vị kinh doanh hàng hóa và dịch vụ

Mức giá kê khai bán lẻ dành cho người tiêu dùng cụ thể như sau:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai hiện hành (ĐVT: đồng)	Mức giá kê khai mới (ĐVT: đồng)	Mức tăng/giảm	Tỷ lệ % tăng/giảm
1	Hơi gas bình 12kg Origin/Phoenix	Bình 12kg	Bình	417,500	417,500	-	0.0
2	Hơi gas bình 45kg Origin/Phoenix	Bình 45kg	Bình	1,566,405	1,566,405	-	0.0
3	Hơi gas bình 12kg Petrolimex	Bình 12kg	Bình	407,000	407,000	-	0.0
4	Hơi gas bình 48kg Petrolimex	Bình 48kg	Bình	1,628,000	1,628,000	-	0.0
5	Hơi gas bình 12kg H-gas	Bình 12kg	Bình	365,000	365,000	-	0.0
6	Hơi gas bình 45kg H-gas	Bình 45kg	Bình	1,368,750	1,368,750	-	0.0
7	Hơi gas bình 12kg PTVN	Bình 12kg	Bình	441,500	441,500	-	0.0
8	Hơi gas bình 20kg PTVN	Bình 20kg	Bình	736,050	736,050	-	0.0
9	Hơi gas bình 45kg PTVN	Bình 45kg	Bình	1,656,000	1,656,000	-	0.0
10	Hơi gas bình 12kg An - gas	Bình 12kg	Bình	366,000	366,000	-	0.0
11	Hơi gas bình 45kg An - gas	Bình 45kg	Bình	1,372,750	1,372,750	-	0.0
12	Hơi gas bình 12kg dầu khí	Bình 12kg	Bình	417,500	417,500	-	0.0
13	Hơi gas bình 20kg dầu khí	Bình 20kg	Bình	696,010	696,010	-	0.0
14	Hơi gas bình 45kg dầu khí	Bình 45kg	Bình	1,565,850	1,565,850	-	0.0
15	Hơi gas bình 12kg total	Bình 12kg	Bình	413,000	413,000	-	0.0
16	Hơi gas bình 6kg Elf - gas	Bình 6kg	Bình	212,000	212,000	-	0.0
17	Hơi gas bình 12,5kg Elf - gas	Bình 12.5kg	Bình	440,062	440,062	-	0.0
18	Hơi gas bình 39kg Elf - gas	Bình 39kg	Bình	1,332,000	1,332,000	-	0.0

\* Mức giá trên đã bao gồm thuế VAT

\* Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày 01/09/2025

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin/Phoenix Gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	261,164	261,164	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	261,164	261,164	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	267,878	267,878	0.0
4	Lợi nhuận dự kiến	1,213	1,213	
	Giá bán chưa thuế	269,091	269,091	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	26,909	26,909	0.0
	Giá bán (đã có thuế)	296,000	296,000	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin/Phoenix Gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	986,019	986,019	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	986,019	986,019	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,006,229	1,006,229	0.0
4	Lợi nhuận dự kiến	2,862	2,862	
	Giá bán chưa thuế	1,009,091	1,009,091	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	100,909	100,909	0.0
	Giá bán (đã có thuế)	1,110,000	1,110,000	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrolimex Gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	312,073	312,073	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	312,073	312,073	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	318,787	318,787	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	1,213	1,213	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>320,000</b>	<b>320,000</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	32,000	32,000	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>352,000</b>	<b>352,000</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrolimex Gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 48kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,254,657	1,254,657	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,254,657	1,254,657	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	16,224	16,224	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,275,881	1,275,881	0.0
4	Lợi nhuận dự kiến	4,119	4,119	
	Giá bán chưa thuế	1,280,000	1,280,000	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	128,000	128,000	0.0
	Giá bán (đã có thuế)	1,408,000	1,408,000	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : H-Gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	242,073	242,073	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	242,073	242,073	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	248,787	248,787	0.0
4	Lợi nhuận dự kiến	1,213	1,213	
	Giá bán chưa thuế	250,000	250,000	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	25,000	25,000	0.0
	Giá bán (đã có thuế)	275,000	275,000	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : H-Gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	914,428	914,428	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	914,428	914,428	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	934,638	934,638	0.0
4	Lợi nhuận dự kiến	2,862	2,862	
	Giá bán chưa thuế	937,500	937,500	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	93,750	93,750	0.0
	Giá bán (đã có thuế)	1,031,250	1,031,250	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	261,164	261,164	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	261,164	261,164	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	267,878	267,878	0.0
4	Lợi nhuận dự kiến	1,213	1,213	
	Giá bán chưa thuế	269,091	269,091	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	26,909	26,909	0.0
	Giá bán (đã có thuế)	296,000	296,000	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 20kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	490,123	439,214	-11.6
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	490,123	439,214	-11.6
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	2,856	2,856	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	497,979	447,070	-11.4
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	2,021	2,021	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>500,000</b>	<b>449,091</b>	-11.3
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	50,000	44,909	-11.3
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>494,000</b>	<b>494,000</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	985,246	985,246	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	985,246	985,246	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,005,456	1,005,456	0.0
4	Lợi nhuận dự kiến	3,862	3,862	
	Giá bán chưa thuế	1,009,318	1,009,318	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	100,932	100,932	0.0
	Giá bán (đã có thuế)	1,110,250	1,110,250	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	242,695	242,695	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	242,695	242,695	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-		
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	249,409	249,409	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	1,500	1,500	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>250,909</b>	<b>250,909</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	25,091	25,091	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>276,000</b>	<b>276,000</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	917,064	917,064	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	917,064	917,064	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-		
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	937,274	937,274	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	3,862	3,862	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>941,136</b>	<b>941,136</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	94,114	94,114	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>1,035,250</b>	<b>1,035,250</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	261,162	261,162	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	261,162	261,162	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	<b>Tổng giá thành toàn bộ</b>	<b>267,876</b>	<b>267,876</b>	<b>0.0</b>
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	<b>1,215</b>	<b>1,215</b>	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>269,091</b>	<b>269,091</b>	<b>0.0</b>
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	26,909	26,909	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>296,000</b>	<b>296,000</b>	<b>0.0</b>

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 20kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	439,214	439,214	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	439,214	439,214	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	2,856	2,856	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	447,070	447,070	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	2,021	2,021	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>449,091</b>	<b>449,091</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	44,909	44,909	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>494,000</b>	<b>494,000</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	985,246	985,246	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	985,246	985,246	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	15,210	15,210	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,005,456	1,005,456	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	3,862	3,862	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>1,009,318</b>	<b>1,009,318</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	100,932	100,932	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>1,110,250</b>	<b>1,110,250</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : TOTAL-gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	312,980	312,980	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	312,980	312,980	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,714	1,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	<b>Tổng giá thành toàn bộ</b>	319,694	319,694	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	1,215	1,215	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>320,909</b>	<b>320,909</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	32,091	32,091	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>353,000</b>	<b>353,000</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : ELF  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 6kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	162,373	162,373	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	162,373	162,373	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	1,200	1,200	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,500	2,500	
	Tổng giá thành toàn bộ	166,073	166,073	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	1,200	1,200	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>167,273</b>	<b>167,273</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	16,727	16,727	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>184,000</b>	<b>184,000</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Elf - Gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 12,5kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	337,859	337,859	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	337,859	337,859	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	2,714	2,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	345,573	345,573	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	1,700	1,700	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>347,273</b>	<b>347,273</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	34,727	34,727	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>382,000</b>	<b>382,000</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Elf - Gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 39kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO ĐẠI LÝ**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	1,074,404	1,074,404	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,074,404	1,074,404	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	2,714	2,714	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,082,118	1,082,118	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	1,700	1,700	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>1,083,818</b>	<b>1,083,818</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	108,382	108,382	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>1,192,200</b>	<b>1,192,200</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin/Phoenix Gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	320,651	320,651	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	320,651	320,651	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	44,169	44,169	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	369,820	369,820	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	9,725	9,725	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>379,545</b>	<b>379,545</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	37,955	37,955	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>417,500</b>	<b>417,500</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Origin/Phoenix Gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	1,276,387	1,276,387	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,276,387	1,276,387	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,412,502	1,412,502	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	11,503	11,503	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>1,424,005</b>	<b>1,424,005</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	142,400	142,400	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>1,566,405</b>	<b>1,566,405</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrolimex Gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	324,800	324,800	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	324,800	324,800	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	34,839	34,839	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	364,639	364,639	0.0
4	Lợi nhuận dự kiến	5,361	5,361	
	Giá bán chưa thuế	370,000	370,000	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	37,000	37,000	0.0
	Giá bán (đã có thuế)	407,000	407,000	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrolimex Gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 48kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	1,322,876	1,322,876	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,322,876	1,322,876	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	139,855	139,855	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,467,731	1,467,731	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	12,269	12,269	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>1,480,000</b>	<b>1,480,000</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	148,000	148,000	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>1,628,000</b>	<b>1,628,000</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : H Gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	289,068	289,068	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	289,068	289,068	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	327,318	327,318	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	4,500	4,500	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>331,818</b>	<b>331,818</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	33,182	33,182	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>365,000</b>	<b>365,000</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : H Gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,096,700	1,096,700	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,096,700	1,096,700	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,232,815	1,232,815	0.0
4	Lợi nhuận dự kiến	11,503	11,503	
	Giá bán chưa thuế	1,244,318	1,244,318	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	124,432	124,432	0.0
	Giá bán (đã có thuế)	1,368,750	1,368,750	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	342,470	342,470	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	342,470	342,470	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	44,169	44,169	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	391,639	391,639	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	9,725	9,725	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>401,364</b>	<b>401,364</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	40,136	40,136	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>441,500</b>	<b>441,500</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 20kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	593,562	593,562	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	593,562	593,562	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	58,273	58,273	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	656,835	656,835	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	12,301	12,301	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>669,136</b>	<b>669,136</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	66,914	66,914	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>736,050</b>	<b>736,050</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Petrovietnam  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	1,354,837	1,354,837	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,354,837	1,354,837	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,490,952	1,490,952	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	14,503	14,503	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>1,505,455</b>	<b>1,505,455</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	150,545	150,545	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>1,656,000</b>	<b>1,656,000</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	276,833	276,833	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	276,833	276,833	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp			
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	44,169	44,169	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	326,002	326,002	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	6,725	6,725	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>332,727</b>	<b>332,727</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	33,273	33,273	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>366,000</b>	<b>366,000</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : An - Gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	1,097,337	1,097,337	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,097,337	1,097,337	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,233,452	1,233,452	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	14,503	14,503	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>1,247,955</b>	<b>1,247,955</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	124,795	124,795	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>1,372,750</b>	<b>1,372,750</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	336,795	336,795	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	336,795	336,795	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	375,045	375,045	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	4,500	4,500	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>379,545</b>	<b>379,545</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	37,955	37,955	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>417,500</b>	<b>417,500</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 20kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành (Đ/bình)	Mức giá kê khai mới (Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	564,820	564,820	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	564,820	564,820	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	55,416	55,416	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	625,236	625,236	0.0
4	Lợi nhuận dự kiến	7,500	7,500	
	Giá bán chưa thuế	632,736	632,736	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	63,274	63,274	0.0
	Giá bán (đã có thuế)	696,010	696,010	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Dầu khí  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 45kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	1,272,882	1,272,882	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,272,882	1,272,882	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	131,115	131,115	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,408,997	1,408,997	0.0
4	Lợi nhuận dự kiến	14,503	14,503	
	Giá bán chưa thuế	1,423,500	1,423,500	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	142,350	142,350	0.0
	Giá bán (đã có thuế)	1,565,850	1,565,850	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : TOTAL-gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 12kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	332,705	332,705	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	332,705	332,705	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	370,955	370,955	0.0
4	Lợi nhuận dự kiến	4,500	4,500	
	Giá bán chưa thuế	375,455	375,455	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	37,545	37,545	0.0
	Giá bán (đã có thuế)	413,000	413,000	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Elf gas  
Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải  
Quy cách phẩm chất : Bình 6kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	Chi phí sản xuất (*)	161,977	161,977	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	161,977	161,977	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp	-	-	
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	23,250	23,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,500	3,500	
	Tổng giá thành toàn bộ	188,727	188,727	0.0
4	Lợi nhuận dự kiến	4,000	4,000	
	Giá bán chưa thuế	192,727	192,727	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	19,273	19,273	0.0
	Giá bán (đã có thuế)	212,000	212,000	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Elf Gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 12,5kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	354,306	354,306	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	354,306	354,306	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp			
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	392,556	392,556	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	7,500	7,500	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>400,056</b>	<b>400,056</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	40,006	40,006	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>440,062</b>	<b>440,062</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu

Nha Trang, ngày 01 tháng 09 năm 2025

**GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ KÊ KHAI GIÁ**

( Kèm theo công văn số 09 ngày 01 tháng 09 năm 2025 của Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải )

Tên hàng hóa, dịch vụ : Elf Gas

Đơn vị kinh doanh : Công Ty TNHH TM DV Thanh Hải

Quy cách phẩm chất : Bình 39Kg

**BẢNG GIẢI TRÌNH LÝ DO ĐIỀU CHỈNH GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ  
DÀNH CHO NGƯỜI TIÊU DÙNG**

Stt	Khoản mục chi phí	Mức giá kê khai hiện hành ( Đ/bình)	Mức giá kê khai mới ( Đ/bình)	Tỷ lệ (%) tăng, giảm so với lần kê khai liền kề
1	<b>Chi phí sản xuất (*)</b>	1,165,159	1,165,159	0.0
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp	1,165,159	1,165,159	0.0
	Chi phí nhân công trực tiếp			
	Chi phí sản xuất			
2	Chi phí bán hàng	33,250	33,250	
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,000	5,000	
	Tổng giá thành toàn bộ	1,203,409	1,203,409	0.0
4	<b>Lợi nhuận dự kiến</b>	7,500	7,500	
	<b>Giá bán chưa thuế</b>	<b>1,210,909</b>	<b>1,210,909</b>	0.0
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)	121,091	121,091	0.0
	<b>Giá bán (đã có thuế)</b>	<b>1,332,000</b>	<b>1,332,000</b>	0.0

(\*) Ghi chú: Đối với trường hợp hàng hóa nhập khẩu thì mục này là Giá vốn nhập đã bao gồm thuế nhập khẩu